

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày 24/02/2022
V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung.

2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022.

- Nguyên đơn: Ông Phan Hồ Nhật L, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Trần Đình Th, sinh năm: 1974.

Và bà: Chế Thị Minh Ng, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Tổ 4, thị trấn L, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

(Ông L, ông Th, bà Ng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 25/10/2021; bản tự khai ngày 13/01/2022, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/01/2022, nguyên đơn ông Phan Hồ Nhật L trình bày:

Ông và ông Trần Đình Th, bà Chế Thị Minh Ng là chỗ quen biết. Ngày 14/2/2018 (tức ngày 29/12/2017 âm lịch), ông Th và bà Ng có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất 20%/năm để sử dụng làm ăn kinh doanh và hứa trong thời hạn 30 ngày sẽ trả tiền gốc và lãi. Nhưng đến hạn, ông Th và bà Ng không trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận ban đầu.

Ngày 25/5/2018 (tức ngày 11/4/2018 âm lịch), ông Th và bà Ng tiếp tục vay thêm số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất như trên để xoay sở công việc làm ăn và hẹn trả vào 30 ngày kể từ ngày vay nợ, có lập giấy mượn tiền. Tuy nhiên, đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông Th và bà Ng không thực hiện việc trả nợ theo hai giấy mượn nợ đã lập vào ngày 14/2/2018 (ngày 29/12/2017 âm lịch) và ngày 25/5/2018 (ngày 11/4/2018 âm lịch). Ông đã nhiều lần yêu cầu ông Th và bà Ng thực hiện việc trả nợ nhưng đến nay ông Th, bà Ng vẫn chưa thực hiện.

Do đó ông khởi kiện yêu cầu ông Trần Đình Th và bà Chế Thị Minh Ng phải trả lại cho ông số tiền là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Ông yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền ông Th và bà Ng mượn 30.000.0000 (Ba mươi triệu đồng) vào ngày 25/5/2018.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/01/2022, nguyên đơn ông Phan Hồ Nhật L thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu ông Th và bà Ng phải trả tiền lãi suất đối với số tiền 30.000.0000 (Ba mươi triệu) đồng do ông Th, bà Ng mượn vào ngày 25/5/2018. Ông yêu cầu ông Trần Đình Th và bà Chế Thị Minh Ng phải trả cho ông số tiền là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2021 và ngày 21/01/2022, tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/01/2022, bị đơn ông Trần Đình Th và bà Chế Thị Minh Ng trình bày:

Ông, bà có mượn của ông Phan Hồ Nhật L số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Cụ thể vào ngày 29/12/2017 âm lịch (ngày 14/2/2018) ông, bà có mượn của ông L 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và thời hạn mượn là 30 ngày nhưng đến nay vẫn chưa có tiền trả cho ông L; lần thứ 2 vào ngày 25/5/2018 (11/4/2018 âm lịch) ông, bà tiếp tục mượn ông L số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và thời hạn mượn là 30 ngày nhưng đến nay vẫn chưa hoàn trả được cho ông L số tiền này.

Ông, bà đồng ý trả số nợ 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng cho ông Phan Hồ Nhật L nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn vì ảnh hưởng của dịch Covid nên ông, bà đề nghị sẽ trả dần số nợ trên cho ông L mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng. Trong trường hợp nếu ông, bà có điều kiện thì ông, bà sẽ trả dứt điểm cho ông L số tiền nợ trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Đình Th và bà Chế Thị Minh Ng đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã mượn, căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

[1.3] Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.4] Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, căn cứ vào quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không nhận định về thời hiệu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hồ Nhật L: Tại giấy mượn tiền ngày 29/12/2017 âm lịch (ngày 14/2/2018) có chữ ký của bà Chế Thị Minh Ng; giấy mượn tiền ngày 25/5/2018 (11/4/2018 âm lịch) có chữ ký của ông Trần Đình Th, thể hiện: Ông Trần Đình Th, sinh ngày 20/4/1974 và bà Chế Thị Minh Ng, sinh ngày 04/5/1979 có mượn anh Phan Hồ Nhật L số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để giải quyết công việc riêng. Hẹn anh Phan Hồ Nhật L sau 30 ngày sẽ hoàn trả số tiền trên (bút lục số 50, 51).

[2.2] Tại bản tự khai ngày 12/11/2021, ngày 21/01/2022 và tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/01/2022, ông Th và bà Ng thừa nhận có nợ ông L số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng theo hai giấy mượn tiền là đúng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, không yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166, 274, 275, 280, 463, 466, 494, 496, 499 Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hồ Nhật L và buộc ông Trần Đình Th và bà Chế Thị Minh Ng trả cho ông L số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí.

[4.1] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn ông Trần Đình Th và bà Chế Thị Minh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Ông Th và bà Ng là hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông Th và bà Ng được miễn án phí.

[4.2] Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho ông Phan Hồ Nhật L theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số: 0000928 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166, 274, 275, 280, 463, 466, 494, 496, 499 Bộ luật dân sự 2015 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hồ Nhật L.
 - Buộc ông Trần Đình Th và bà Chế Thị Minh Ng trả cho ông Phan Hồ Nhật L số tiền là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.
 - Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu trả khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - 2.1. Ông Trần Đình Th và bà Chế Thị Minh Ng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.
 - 2.2. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho nguyên đơn ông Phan Hồ Nhật L theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số: 0000928 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Ông Phan Hồ Nhật L, ông Trần Đình Th, bà Chế Thị Minh Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Bôn

Lê Thị Ngọc L

Trương Thanh Hòa